

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 222/2024/DS-ST.
Ngày 17 – 10 – 2024.
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Như Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông Đoàn Văn Đước.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Khánh. Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2024/TLST – DS, ngày 11 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST – DS, ngày 12 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2024/QĐST – DS ngày 26 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T.

Địa chỉ: Khu vực 3, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Trần Ngọc H.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Toà án và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông bà Lê Thị T trình bày: Vào ngày 28/12/2022, bà Trần Ngọc H có mua sắt của bà với số tiền tổng cộng 241.990.000 đồng, bà Trần Ngọc H có ký xác nhận nợ, sau khi ký nhận nợ đến nay bà Trần Ngọc H không chịu thanh toán cho bà số tiền còn nợ nêu trên. Bà Lê Thị T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Ngọc H phải có trách nhiệm trả số tiền mua sắt còn nợ là 241.990.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 12/9/2024 bà Lê Thị T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Ngọc H phải có trách nhiệm trả số tiền mua sắt còn nợ là 24.199.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Ngọc H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị T khởi kiện đối với bà Trần Ngọc H yêu cầu thanh toán tiền mua bán sắt để xây nhà ở còn nợ theo hợp đồng mua bán nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Trần Ngọc H có nơi cư trú khi xác lập giao dịch tại ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lê Thị T có hợp đồng mua bán sắt để xây nhà ở với bà Trần Ngọc H với số tiền tổng cộng là 24.199.000 đồng, có hóa đơn mua bán, có chữ ký xác nhận của bà Trần Ngọc H. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê Thị T đã hoàn thành việc giao hàng cho ông bà Trần Ngọc H. Sau khi nhận sắt để xây nhà bà Trần Ngọc H không thanh toán tiền mua bán còn nợ cho bà Lê Thị T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu trả nợ, Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho các đương sự hòa giải để trình bày và thỏa thuận với nhau về số tiền nợ nhưng bà Trần Ngọc H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Bà Trần Ngọc H cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì để chứng minh là không có nợ hoặc đã trả hết nợ cho bà Lê Thị T. Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do bà Trần Ngọc H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là không có nợ bà Lê Thị T, trong khi bà Lê Thị T cung cấp được hóa đơn bán hàng với tổng số tiền 24.199.000 có chữ ký của bà Trần Ngọc H nên Hội đồng xét xử xác định việc khởi kiện của ông Phan Văn Thảo là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất chậm thanh toán: Bà Lê Thị T không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là trên cơ sở tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí kèm theo. Buộc bị đơn bà Trần Ngọc H phải chịu án phí theo quy định.

[5] Đối với bị đơn bà Trần Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không

có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí kèm theo.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn

1. Buộc bà Trần Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền mua bán còn nợ tổng cộng là 24.199.000 (Hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Ngọc H phải chịu 1.209.900 (Một triệu hai trăm linh chín nghìn chín trăm) đồng. Bà Lê Thị T được nhận lại 6.049.750 (Sáu triệu không trăm bốn mươi chín bảy trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001032 ngày 02/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận hoặc theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Như Nguyễn

